



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG  
TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

BÁO CÁO

**BÁO CÁO**  
**KHẢO SÁT THƯỜNG NIÊN 2017** >>>  
**VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM**  
**CỦA SINH VIÊN**

2017

# PHẦN 1

## GIỚI THIỆU CHUNG

### 1.1. Mục đích

Khảo sát sinh viên sau khi tốt nghiệp là một trong các khảo sát được Trung tâm Đảm bảo Chất lượng thực hiện định kỳ hàng năm. Khảo sát này nhằm thu thập thông tin về tình trạng việc làm, thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp, mức độ đáp ứng của kiến thức, kỹ năng được đào tạo so với yêu cầu công việc, ý kiến của sinh viên sau khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Nhà trường nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của xã hội.

### 1.2. Đối tượng khảo sát: Sinh viên tốt nghiệp năm 2016.

### 1.3. Thời gian khảo sát: Từ 20/10/2017 đến 22/11/2017.

### 1.4. Công cụ, phương pháp khảo sát

#### a) Công cụ

Trung tâm sử dụng Phiếu khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp gồm 2 phần: Phần A (Thông tin cá nhân) và Phần B (Thông tin về tình trạng việc làm) với 19 câu hỏi về các vấn đề liên quan đến tình trạng việc làm, vị trí làm việc, thu nhập, kỹ năng cần học thêm, mức độ phù hợp của kiến thức và kỹ năng được trang bị so với yêu cầu của vị trí làm việc. Mỗi câu hỏi trong Phiếu khảo sát được thiết kế theo hướng câu hỏi một hoặc nhiều lựa chọn. Bên cạnh đó, Phiếu khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp cũng có những câu hỏi nhằm kiểm tra sự phù hợp của nội dung Chuẩn đầu ra so với thực tiễn để từ đó có giải pháp chỉnh sửa, bổ sung Chuẩn đầu ra.

#### b) Phương pháp khảo sát

Trung tâm đã sử dụng Hệ thống khảo sát trực tuyến tại địa chỉ [www.khaosat.edu.vn](http://www.khaosat.edu.vn) để thực hiện gửi khảo sát tới email cá nhân của sinh viên đã tốt nghiệp 1 năm. Với kết quả thu về, hệ thống sẽ xuất dữ liệu ra phần mềm xử lý dữ liệu SPSS 19 và thực hiện các đo lường thống kê, đánh giá.

Phần tổng hợp ý kiến với những câu hỏi mở cũng được thực hiện khách quan, cho kết quả báo cáo chính xác nhất.

### 1.5. Quá trình thực hiện

Thông qua hệ thống khảo sát trực tuyến, Phiếu khảo sát điện tử đã được gửi tới các sinh viên K51 đã tốt nghiệp được 1 năm, đồng thời gọi điện thoại đến từng cựu sinh viên để thông báo tham gia khảo sát. Kết quả thu nhận được như sau:

Số sinh viên tốt nghiệp 2016: **3393** sinh viên

Số phiếu điện tử gửi đi: **1840** sinh viên

Số phiếu thu về: **1331** phiếu, tỷ lệ **72%**.

Số còn lại do email bị lỗi hoặc sinh viên thay đổi email so với khi ra trường nên sinh viên không tham gia được.

## PHẦN 2 KẾT QUẢ KHẢO SÁT

### 2.1. Thông tin chung về sinh viên K51 trả lời khảo sát

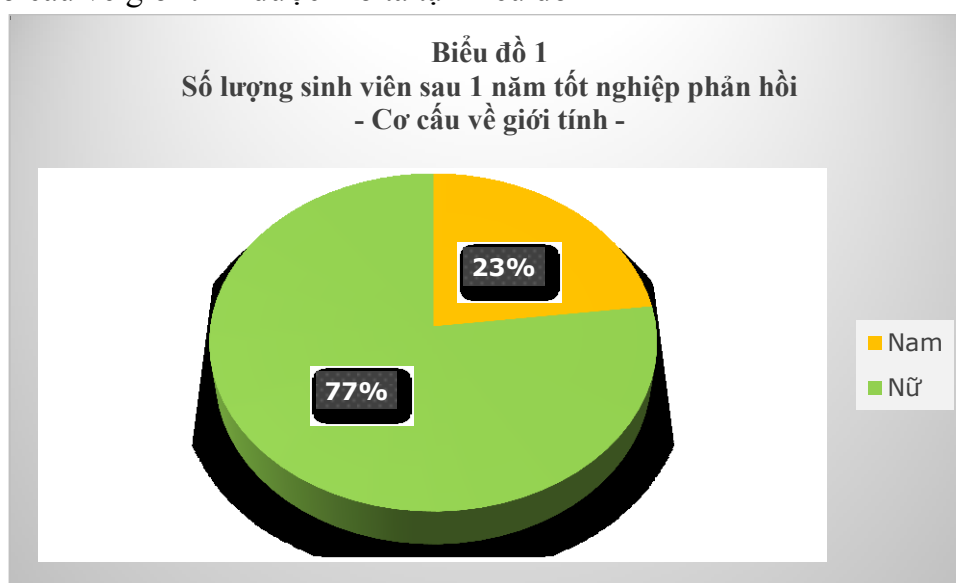
#### 2.1.1. Tổng số sinh viên K51 trả lời khảo sát theo giới tính

Kết quả cuộc điều tra sinh viên tốt nghiệp trường Đại học Ngoại thương đã thu về được 1331 phiếu trả lời trong đó có 307 nam chiếm 23%, 1024 nữ chiếm 77%. Kết quả được thể hiện cụ thể trên Bảng 1:

**Bảng 1. Số sinh viên tốt nghiệp trả lời khảo sát tính theo giới tính**

Giới tính	Số lượng	%
Nam	307	23
Nữ	1024	77
<b>Tổng</b>	<b>1331</b>	<b>100</b>

Cơ cấu về giới tính được mô tả tại Biểu đồ 1



#### 2.1.2. Số sinh viên K51 trả lời khảo sát tính theo ngành đào tạo

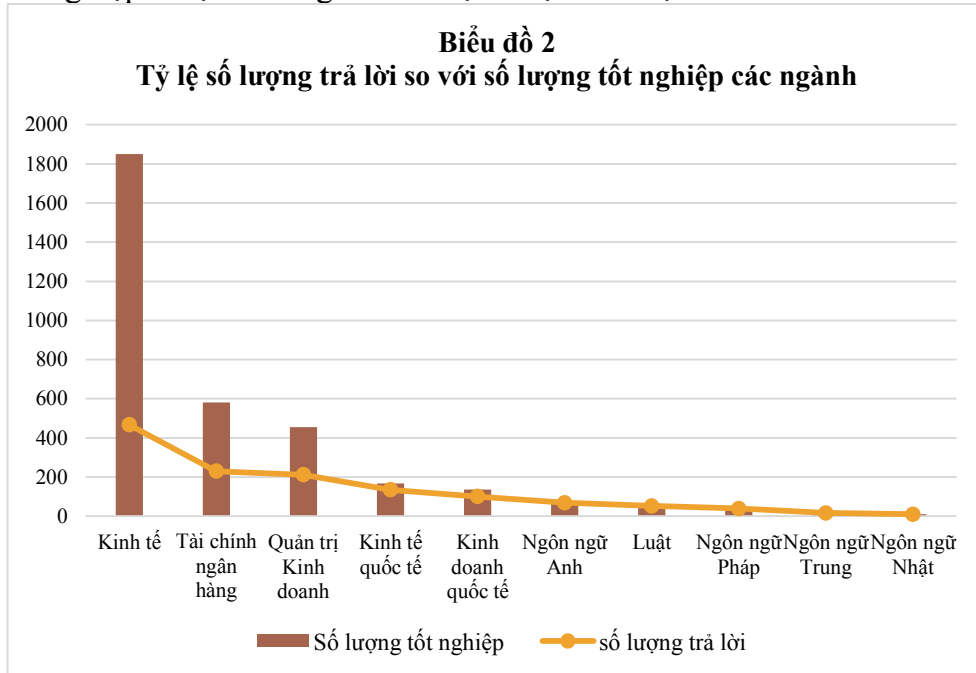
Trong số sinh viên đã tốt nghiệp trả lời khảo sát, có 467 phiếu của sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế, ngành Ngôn ngữ Nhật có số phiếu trả lời thấp nhất với 10 phiếu. Kết quả được thể hiện cụ thể trên Bảng 2:

**Bảng 2. Số lượng sinh viên tốt nghiệp trả lời phiếu/tổng số sinh viên tốt nghiệp thuộc mỗi ngành đào tạo**

Ngành đào tạo	Số lượng sinh viên trả lời phiếu	Số lượng sinh viên tốt nghiệp	%
Kinh tế	467	1851	25%
Tài chính ngân hàng	230	581	40%
Quản trị Kinh doanh	212	455	47%
Kinh tế quốc tế	135	168	80%
Kinh doanh quốc tế	101	136	74%

Ngôn ngữ Anh	69	78	88%
Luật	52	59	88%
Ngôn ngữ Pháp	39	39	100%
Ngôn ngữ Trung	16	16	100%
Ngôn ngữ Nhật	10	10	100%
<b>Tổng</b>	<b>1331</b>	<b>3393</b>	<b>39%</b>

Kết quả so sánh số lượng sinh viên tốt nghiệp trả lời phiếu với số lượng sinh viên đã tốt nghiệp thuộc mỗi ngành đào tạo được thể hiện trên Biểu đồ 2:



## 2.2. Tình trạng việc làm của sinh viên K51 tốt nghiệp 8/2016

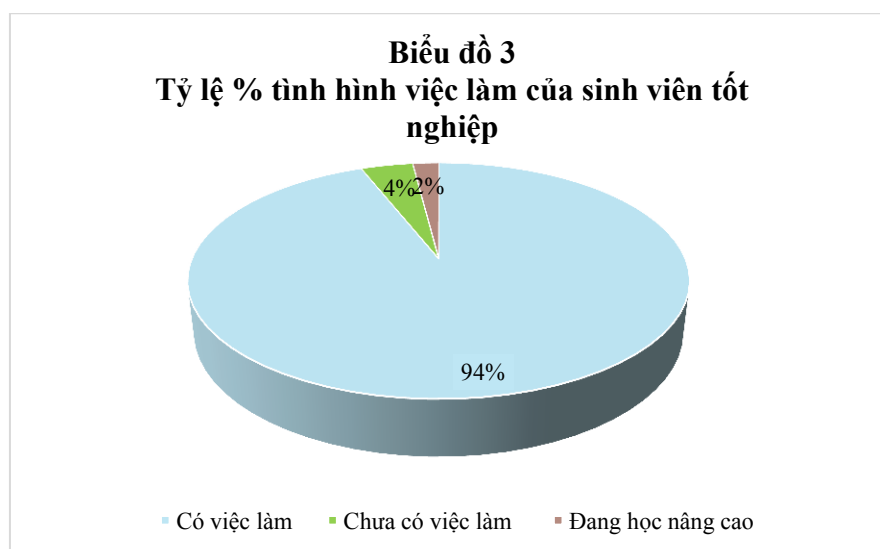
### 2.2.1. Tình trạng việc làm hiện nay của sinh viên K51:

Tính đến thời điểm trả lời phiếu điều tra, 94% sinh viên cho biết “Có việc làm”, 4% sinh viên “Chưa có việc làm”, 2% sinh viên “Đang học nâng cao” được thể hiện cụ thể tại Bảng 3:

**Bảng 3. Tình hình việc làm hiện nay của sinh viên K51**

Tình hình việc làm	Tần suất	%
Có việc làm	1257	94
Chưa có việc làm	48	4
Đang học nâng cao	26	2
<b>Tổng</b>	<b>1331</b>	<b>100</b>

Kết quả điều tra tình hình việc làm hiện nay của sinh viên tốt nghiệp được thể hiện cụ thể trên Biểu đồ 3:



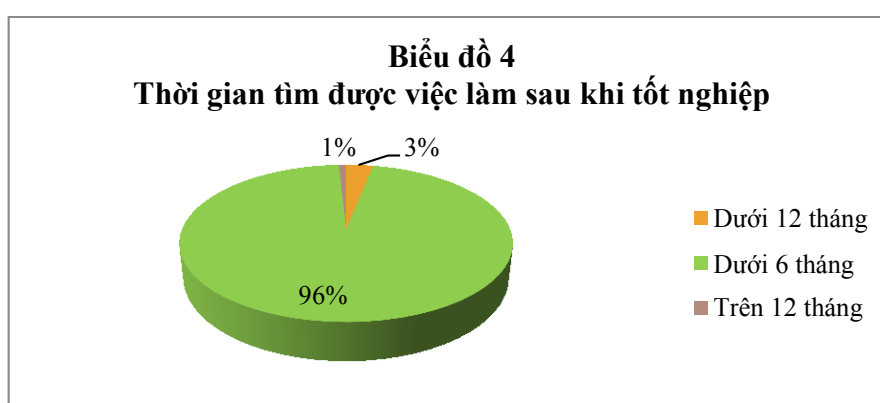
### 2.2.2. Thời gian sinh viên K51 tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp

Trong 1257 sinh viên tốt nghiệp có việc làm, có 1207 sinh viên tìm được việc làm dưới 06 tháng, chiếm tỷ lệ cao nhất với 96%, 11 sinh viên tìm được việc làm trên 12 tháng chiếm tỷ lệ thấp nhất với 1%. Kết quả được thể hiện cụ thể trong Bảng 4 dưới đây:

**Bảng 4. Thời gian sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm**

Thời gian tìm được việc làm sau khi TN	Tần suất	%
Dưới 12 tháng	39	3%
Dưới 6 tháng	1207	96%
Trên 12 tháng	11	1%
<b>Tổng</b>	<b>1257</b>	<b>100</b>

Kết quả điều tra thời gian tìm được việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp được thể hiện cụ thể trên Biểu đồ 4:



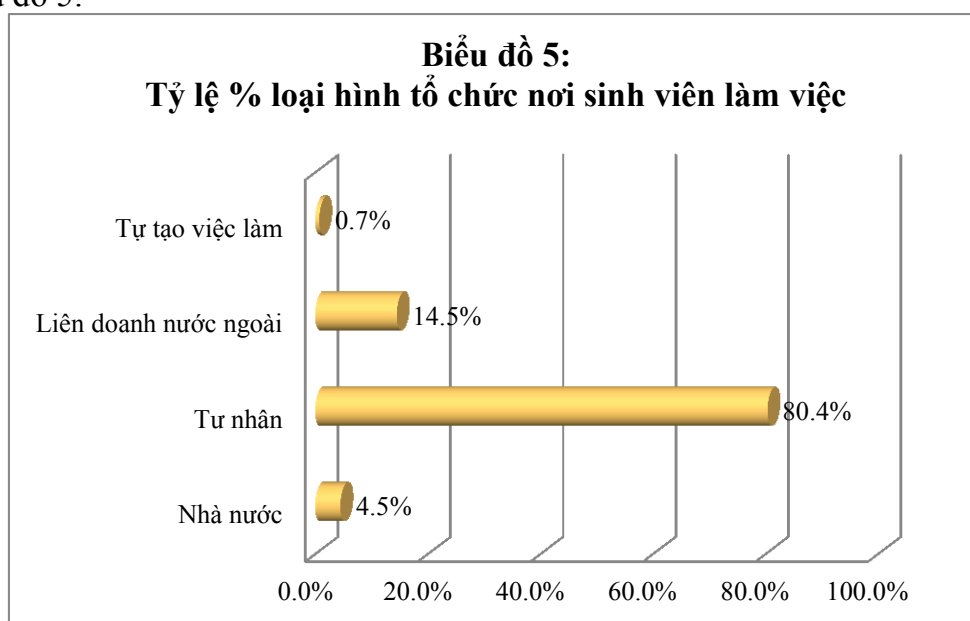
### 2.2.3. Loại hình tổ chức nơi sinh viên K51 đang làm việc:

Phần lớn sinh viên tập trung đông nhất là vào làm cho các công ty tư nhân (cổ phần và trách nhiệm hữu hạn) chiếm 80.4%, thấp nhất là sinh viên làm cho Nhà nước chiếm 4.5% và Tự tạo việc làm chiếm 0.7%. Kết quả cụ thể được thể hiện tại Bảng 5 dưới đây:

**Bảng 5. Loại hình tổ chức nơi sinh viên đang làm việc**

Loại hình tổ chức	Tần suất	%
Nhà nước	56	4.5%
Tư nhân	1010	80.4%
Liên doanh nước ngoài	182	14.5%
Tự tạo việc làm	9	0.7%

Kết quả điều tra loại hình tổ chức nơi sinh viên đang làm việc được thể hiện cụ thể tại Biểu đồ 5:



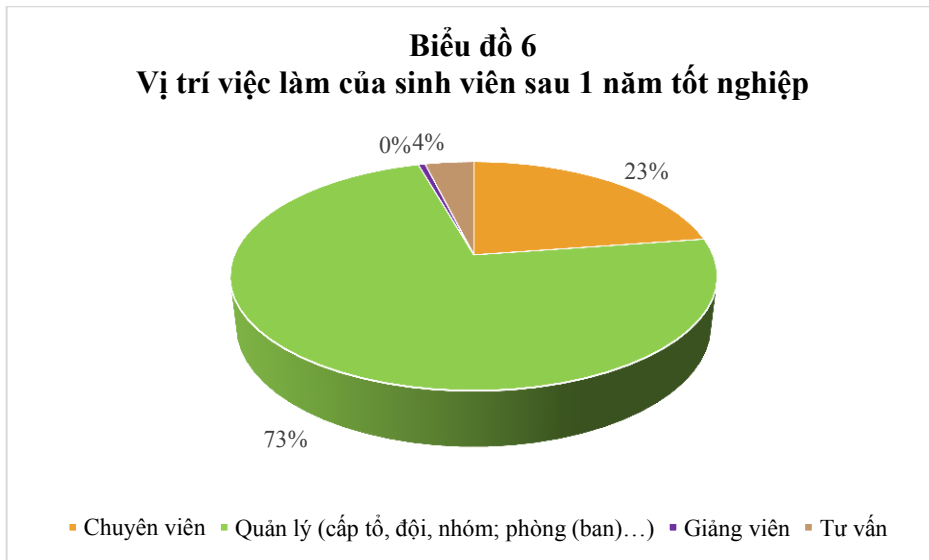
#### 2.2.4 Vị trí việc làm hiện tại của sinh viên tốt nghiệp

Kết quả điều tra về vị trí việc làm hiện tại của sinh viên tốt nghiệp cho thấy, trong số 1112 sinh viên trả lời về vị trí việc làm, có 73% sinh viên làm việc ở vị trí “Quản lý cấp trung”, 1% sinh viên làm “Giảng viên” và 4% sinh viên làm việc ở vị trí “Tư vấn”. Kết quả cụ thể được thể hiện trong Bảng 6 dưới đây:

**Bảng 6. Vị trí việc làm của sinh viên tốt nghiệp**

Vị trí việc làm hiện tại	Tần suất	% (Percent)
Chuyên viên	252	23
Quản lý (cấp tổ, đội, nhóm; phòng (ban)...) )	811	73
Giảng viên	6	1
Tư vấn	43	4
<b>Tổng</b>	<b>1112</b>	<b>100</b>

Kết quả điều tra về vị trí việc làm của sinh viên tốt nghiệp được thể hiện cụ thể trên Biểu đồ 6:



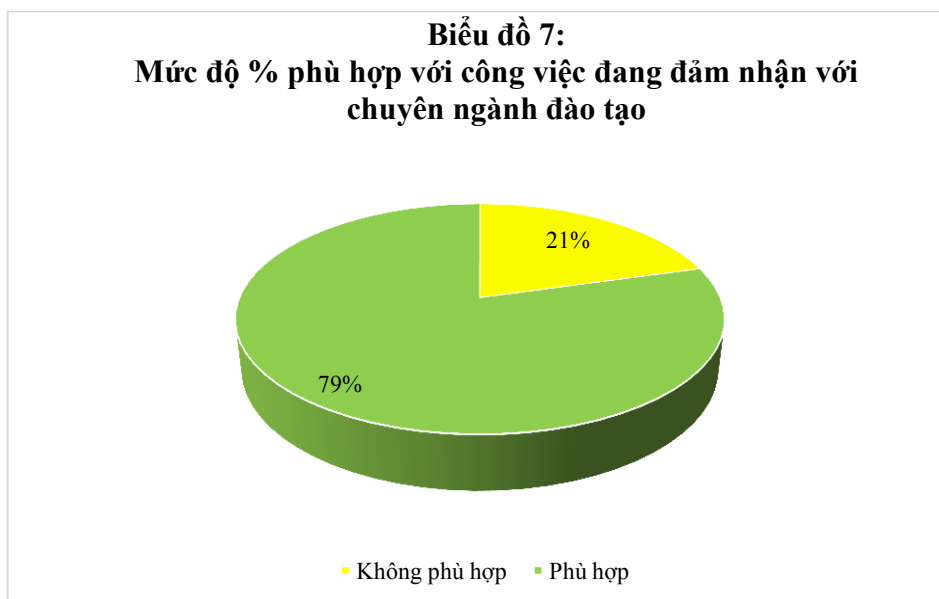
**2.2.5. Mức độ phù hợp của công việc sinh viên K51 đang đảm nhận với chuyên ngành đào tạo**

Khi được hỏi về mức độ phù hợp của công việc đang đảm nhận với chuyên ngành đào tạo, có 998 sinh viên trả lời “Phù hợp”, chiếm tỷ lệ 79%, 259 sinh viên trả lời “Không phù hợp” chiếm 21%. Kết quả được thể hiện cụ thể trong Bảng 7 dưới đây:

**Bảng 7. Mức độ phù hợp của công việc đang đảm nhận với chuyên ngành đào tạo**

Mức độ phù hợp của công việc đang đảm nhận với chuyên ngành đào tạo	Tần suất	%
Phù hợp	998	79
Không phù hợp	259	21
<b>Tổng</b>	<b>1257</b>	<b>100</b>

Kết quả điều tra về mức độ phù hợp của công việc đang đảm nhận với chuyên ngành đào tạo được thể hiện cụ thể trên Biểu đồ 7:



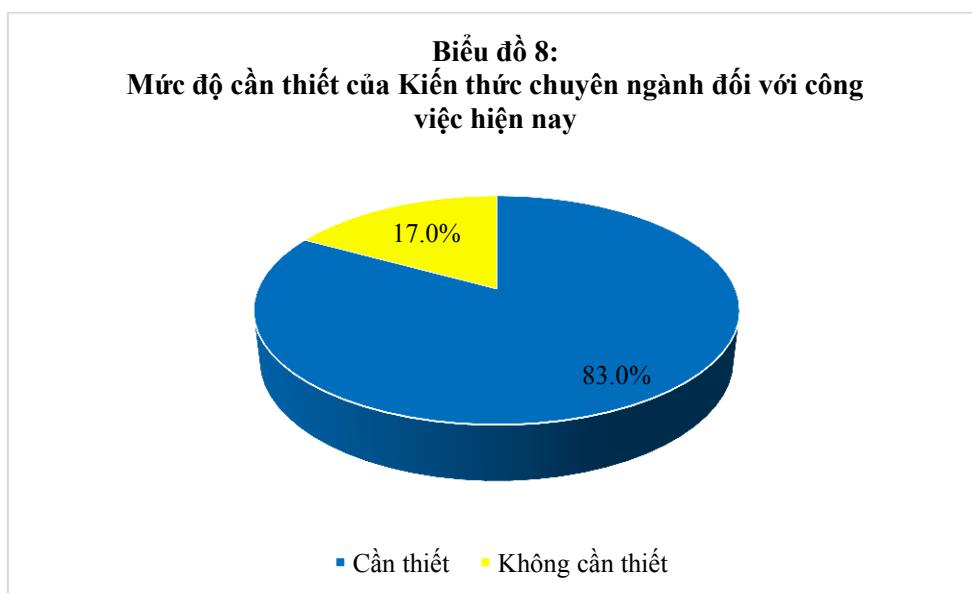
### 2.2.6. Kiến thức học được tại trường cần thiết cho công việc hiện nay

Khi được hỏi Kiến thức chuyên ngành được đào tạo tại trường có cần thiết cho công việc hiện nay của anh/Chị, có 1046 lượt chọn “Cần thiết”, chiếm tỷ lệ 83%, 17% cho rằng các kiến thức “Không cần thiết” cho công việc hiện nay. Kết quả được thể hiện cụ thể tại Bảng 8 dưới đây:

**Bảng 8. Mức độ cần thiết của Kiến thức chuyên ngành đối với công việc hiện nay**

Mức độ cần thiết của Kiến thức chuyên ngành đối với công việc hiện nay	Tần suất	%
Cần thiết	1046	83
Không cần thiết	211	17
<b>Tổng</b>	<b>1257</b>	<b>100</b>

Kết quả điều tra về mức độ phù hợp của công việc đang đảm nhận với chuyên ngành đào tạo được thể hiện cụ thể trên Biểu đồ 8:



### 2.2.7. Kỹ năng đã học được tại trường cần thiết cho quá trình làm việc

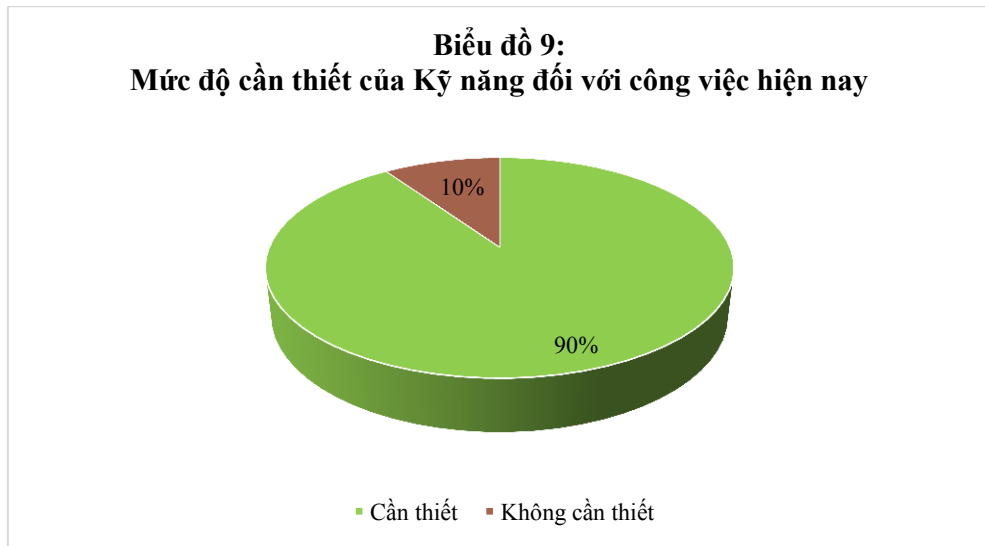
Khi được hỏi Kỹ năng được đào tạo có cần thiết cho công việc hiện nay của Anh/Chị, có 1136 lượt chọn “Cần thiết”, chiếm tỷ lệ 90%, 10% cho rằng các kiến thức “Không cần thiết” cho công việc hiện nay. Kết quả được thể hiện cụ thể tại Bảng 9 dưới đây:

**Bảng 9. Mức độ cần thiết của Kỹ năng đối với công việc hiện nay**

Mức độ cần thiết của Kỹ năng đối với công việc hiện nay	Tần suất	%
Cần thiết	1136	90
Không cần thiết	121	10
<b>Tổng</b>	<b>1257</b>	<b>100</b>

Kết quả điều tra về mức độ cần thiết của Kỹ năng đối với công việc hiện nay được thể hiện cụ thể trên Biểu đồ 9:





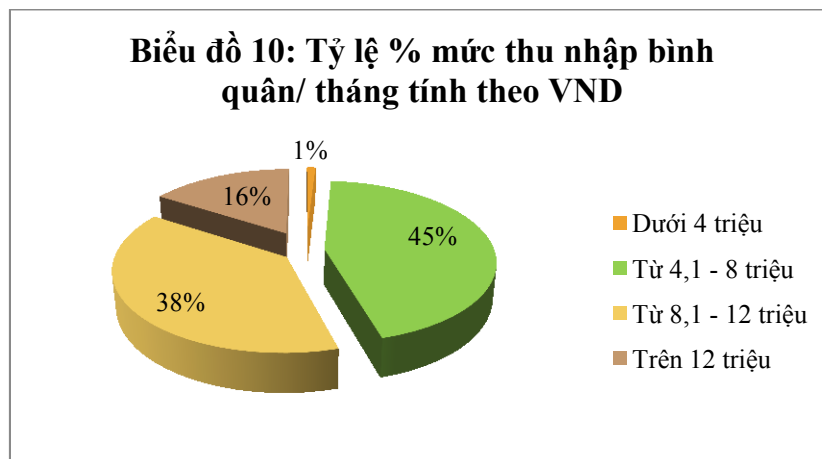
### 2.2.8. Mức thu nhập bình quân/tháng tính theo VNĐ:

Khảo sát cho thấy, 561 sinh viên có mức thu nhập từ 4,1 – 8 triệu/tháng chiếm tỷ lệ cao nhất với 44.6%, 200 sinh viên có mức thu nhập trên 12 triệu chiếm tỷ lệ 15.9%, cụ thể:

**Bảng 10. Mức thu nhập bình quân/tháng tính theo VNĐ**

Mức thu nhập bình quân/tháng tính theo VNĐ	Tần suất	%
Dưới 4 triệu	12	1%
Từ 4,1 - 8 triệu	561	44.6%
Từ 8,1 - 12 triệu	484	38.5%
Trên 12 triệu	200	15.9%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1257</b>	<b>100%</b>

Kết quả điều tra về mức thu nhập bình quân/tháng của sinh viên được thể hiện cụ thể ở Biểu đồ 10:



### 2.2.9. Các khóa học nâng cao sinh viên học sau khi được tuyển dụng

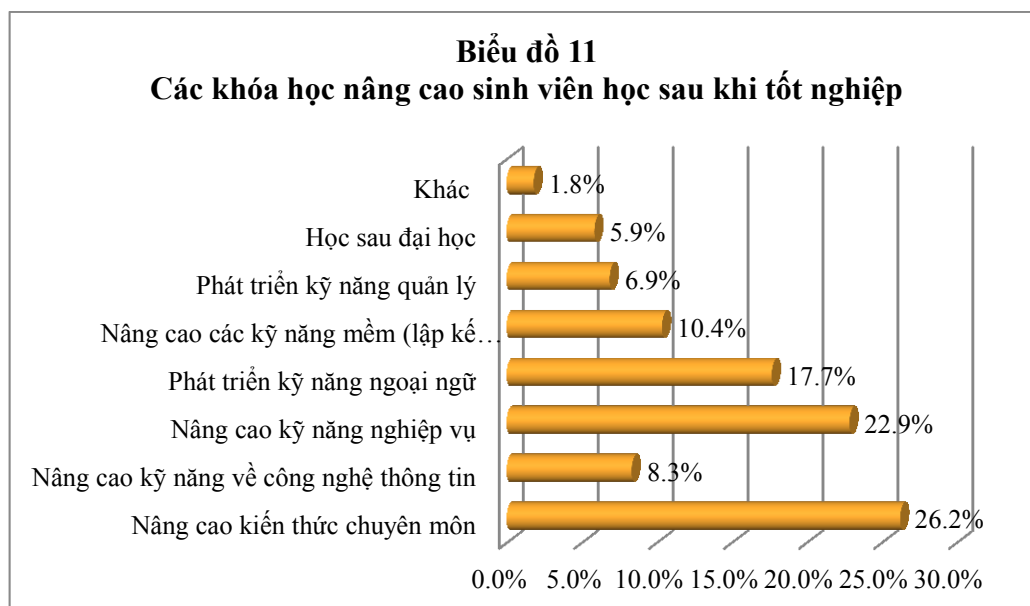
Có 815 sinh viên không tham gia các khóa học nâng cao sau khi được tuyển dụng trong tổng số 2157 sinh viên tốt nghiệp có việc làm, chiếm 65%. Có 35% sinh

viên có tham gia các khóa học nâng cao. Kết quả điều tra về các sinh viên tốt nghiệp có tham gia các khóa học nâng cao sau khi được tuyển dụng được thể hiện cụ thể trên Bảng 11:

**Bảng 11. Nội dung các khóa học nâng cao sinh viên học sau khi được tuyển dụng**

Khóa học nâng cao	Tần suất	%
Nâng cao kiến thức chuyên môn	233	26.2%
Nâng cao kỹ năng về công nghệ thông tin	74	8.3%
Nâng cao kỹ năng nghiệp vụ	203	22.9%
Phát triển kỹ năng ngoại ngữ	157	17.7%
Nâng cao các kỹ năng mềm (lập kế hoạch, quản lý, giao tiếp...)	92	10.4%
Phát triển kỹ năng quản lý	61	6.9%
Học sau đại học	52	5.9%
Khác	16	1.8%
<b>Tổng</b>	<b>888</b>	<b>100.0%</b>

Kết quả về các khóa học nâng cao sinh viên học sau khi tốt nghiệp được thể hiện cụ thể trên Biểu đồ 11:



#### 2.2.10. Những giải pháp giúp sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm

Có 18.9% số sinh viên được hỏi cho rằng việc “**Tạo nhiều cơ hội cho sinh viên được thực tập tại các doanh nghiệp, tổ chức và được thực hành đúng chuyên môn**” là giải pháp giúp sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm chiếm tỷ lệ cao nhất trong số các giải pháp đưa ra, 15.3% đưa ra giải pháp “Chương trình đào tạo được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu của thị trường lao động” và 8.4% cho rằng “Thời lượng thực tập của sinh viên được tăng thêm”. Kết quả điều tra cụ thể trong Bảng 12:

**Bảng 12. Những giải pháp giúp sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm**

Những giải pháp nào sau đây giúp sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm	Tần suất	%
Chương trình đào tạo được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu của thị trường lao động	762	15.3%

Các nhà tuyển dụng tham gia xây dựng chương trình đào tạo	510	10.3%
Thời lượng thực tập của sinh viên được tăng thêm	416	8.4%
Sinh viên được học thêm các khóa bổ trợ các kỹ năng mềm đáp ứng nhu cầu xã hội (chọn câu này thì xin cho biết Kỹ năng nào?)	581	11.7%
Các nhà tuyển dụng tham gia đào tạo cùng nhà trường	493	9.9%
Tạo nhiều cơ hội cho sinh viên được thực tập tại các doanh nghiệp, tổ chức và được thực hành đúng chuyên môn	940	18.9%
Trường đại học và nhà tuyển dụng cập nhật thông tin về nhu cầu sử dụng lao động của xã hội	646	13.0%
Trường đại học phối hợp với các nhà tuyển dụng tổ chức se-mi-na cho sinh viên	560	11.3%
Khác	61	1.2%
<b>Tổng</b>	<b>4969</b>	<b>100.0%</b>

Kết quả điều tra về ý kiến sinh viên về các giải pháp giúp sinh viên tìm được việc làm được thể hiện cụ thể trên Biểu đồ 12:

